



TÁC ĐỘNG CỦA CÁC DỰ ÁN THEO CHƯƠNG TRÌNH 135 II

TỚI VIỆC CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG DÂN CƯ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Nguyễn Duy Tuấn*, Dương Thùy Linh**

Sau 5 năm thực hiện (2006-2010), thông qua những dự án “hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng” và “hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân” chương trình 135 đã có những đóng góp tích cực trong việc cải thiện sinh kế và nâng cao mức sống cho người dân các vùng thụ hưởng dự án, trong đó có tỉnh Điện Biên. Bài nghiên cứu đánh giá một cách cụ thể những tác động này thông qua khung phân tích chất lượng cuộc sống để xem xét kết quả và hiệu quả của dự án trên địa bàn tỉnh và so sánh chúng với mục tiêu đề ra của chương trình. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị cho chương trình 135 giai đoạn III nhằm đạt được mục tiêu đưa tỉ lệ nghèo xuống dưới 35% và giảm nghèo bền vững của Việt Nam.

Từ khóa: chương trình 135, chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững.

1. Tổng quan nghiên cứu

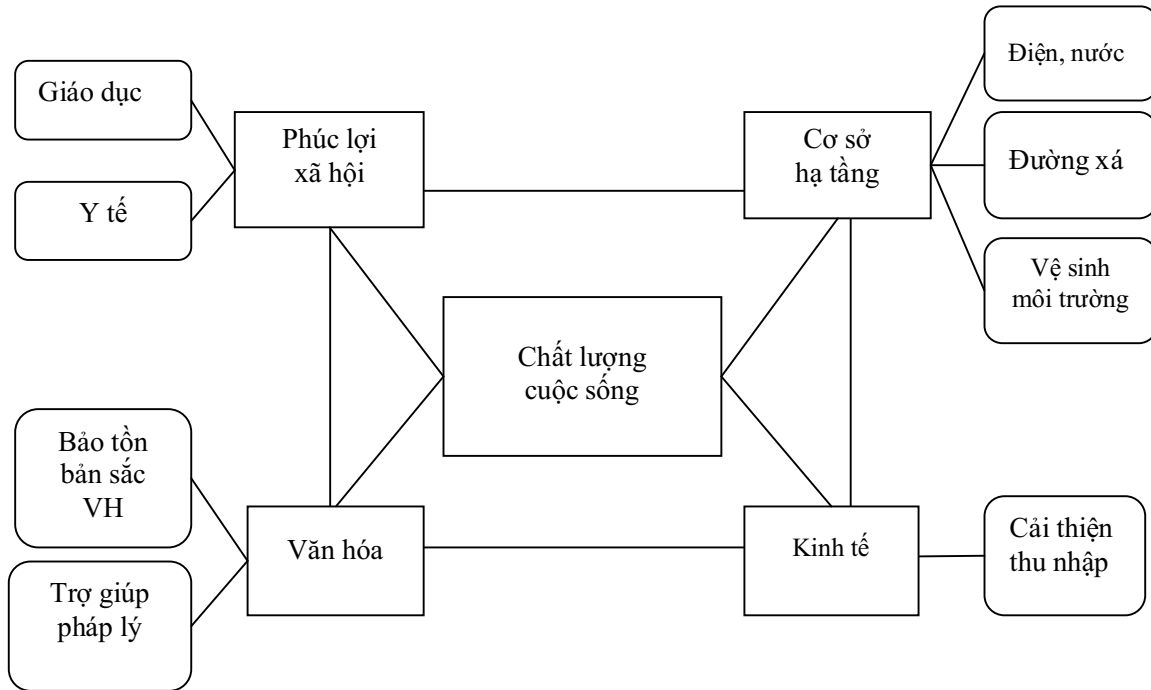
Từ năm 1998 cho đến nay, chương trình 135 là một trong những chương trình đã có nhiều đóng góp trong việc cải thiện đời sống của người dân nghèo. Trong quá trình thực hiện, cũng đã có nhiều nghiên cứu đánh giá về hiệu quả của chương trình và tác động của nó tới cuộc sống của người dân. Ủy ban Dân tộc đã có những đánh giá về hiệu quả đầu tư của chương trình 135, thông qua đánh giá về sự phù hợp trong thiết kế chương trình và quá trình tổ chức thực thi (Ủy ban Dân tộc, 2009); UNDP đánh giá về mối quan hệ giữa nghèo đói và bất bình đẳng, sự đóng góp của Chương trình trong việc làm giảm sự bất bình đẳng xã hội đối với người nghèo (UNDP, 2012). Ngoài ra, còn có một số nghiên cứu đánh giá về tác động của chương trình 135 tới cuộc sống của người dân các dân tộc thiểu số ít người tại các xã, huyện cụ thể ở Việt Nam như Nguyễn Văn Toàn và cộng sự (2012), Đỗ Thị Ánh Tuyết (2012). Tuy nhiên, phần lớn những nghiên cứu này vẫn chỉ tập trung đo lường các tiên bộ và tác động nói chung của chương trình đến các hộ gia đình nằm trong CT135-II mà chưa đánh giá được cụ thể sự thay đổi

về chất lượng cuộc sống của người dân. Vì vậy, thông qua việc nghiên cứu chương trình 135-II triển khai thực hiện tại tỉnh Điện Biên, nhóm tác giả mong muốn đánh giá tác động của chương trình tới chất lượng cuộc sống dân cư và từ đó đưa ra các gợi ý chính sách để chương trình đạt được các mục tiêu đề ra vào năm 2015.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua khung phân tích chất lượng cuộc sống nhằm xem xét một cách toàn diện tất cả các yếu tố khác nhau có ảnh hưởng như thế nào tới chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là đối với những đối tượng yếu thế trong xã hội như đồng bào dân tộc thiểu số. Lawton (1991) đã đề xuất bốn yếu tố: thỏa mãn các yếu tố tâm lý, có những hiểu biết về chất lượng cuộc sống, có năng lực hành vi và môi trường làm việc tốt. Phát triển những nội dung này WHO (1993) đã đề xuất năm yếu tố: sức khỏe, tinh thần, tài chính, an sinh xã hội và môi trường. Những khảo sát thực tế khác đã đưa ra các thành phần cơ bản của khung phân tích chất lượng cuộc sống như: tài chính ổn định, các tiện ích xã hội tốt,

Hình 1: Khung phân tích chất lượng cuộc sống



Nguồn: Rocío Fernández-Ballesteros (2009)

có các cơ hội phát triển bản thân (Flanagan, 1978). Để tổng hợp lại những nghiên cứu trên thì Fernández-Ballesteros (2009) đã hệ thống khung phân tích chất lượng cuộc sống bao gồm bốn yếu tố lớn (trụ cột): (1) thỏa mãn về điều kiện kinh tế, (2) thỏa mãn về các yếu tố phúc lợi xã hội, (3) thỏa mãn về điều kiện văn hóa và cuối cùng là (4) thỏa mãn về điều kiện cơ sở vật chất của xã hội. Từ những yếu tố lớn này lại chia nhỏ thành các yếu tố nhỏ hơn, chi tiết về khung phân tích trên được trình bày trong hình 1.

Thành phần cơ bản của khung phân tích chất lượng cuộc sống bao gồm bốn trụ cột lớn: kinh tế, cơ sở hạ tầng, văn hóa và phúc lợi xã hội.

Trụ cột kinh tế phản ánh mức độ thỏa mãn của người dân về tình hình tài chính, kinh tế của bản thân và gia đình. Trụ cột này được đo lường bằng mức gia tăng thu nhập của người dân thông qua các chính sách hỗ trợ sản xuất, thay đổi tập quán canh tác.

Trụ cột văn hóa phản ánh mức độ thỏa mãn các nhu cầu về tinh thần qua hai yếu tố: yếu tố riêng có của từng vùng, từng dân tộc trong cộng đồng và yếu tố nhận thức của người dân.

Trụ cột phúc lợi xã hội phản ánh mức độ thỏa

mãn của người dân về các tiện ích xã hội. Hai phúc lợi xã hội chính được đề cập đến trong bài nghiên cứu này là giáo dục và y tế.

Trụ cột cơ sở hạ tầng thể hiện sự thỏa mãn của người dân với các tiện ích và sự đa dạng của hệ thống cơ sở hạ tầng. Cơ sở hạ tầng được liệt kê trong khung phân tích bao gồm điện, nước, đường xá và vệ sinh môi trường.

Số liệu được sử dụng trong phân tích là những số liệu thứ cấp thông qua những báo cáo tổng kết thực hiện chương trình 135 II của Tỉnh và số liệu của cuộc điều tra cuối kì của ủy ban Dân tộc miền núi về tình hình thực hiện chương trình trên phạm vi toàn quốc.

3. Tổng quan chung về chương trình 135-II và tác động của các dự án hỗ trợ đầu tư CSHT và hỗ trợ dịch vụ tới cải thiện chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Điện Biên

3.1. Chương trình 135 II trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Để các hộ nghèo có nhiều cơ hội hưởng lợi từ các thành quả kinh tế, Chính phủ đã đưa ra chương trình 135 giai đoạn II, là một chương trình giảm nghèo lớn và quan trọng nhất, hỗ trợ cho dân tộc thiểu số

Bảng 1: Đánh giá thay đổi về thu nhập và đói nghèo của tỉnh Điện Biên nhờ chương trình 135 II

Nội dung	Đơn vị tính	2006	2007	2008	2009	2010	Mục tiêu
Giảm tỉ lệ hộ nghèo các xã thuộc CT 135 II	%	70.8	68	65	60	51.4	30
Giảm tỉ lệ hộ nghèo là người DTTS ở các xã bản thuộc CT 135 II	%	85.3	82.5	80	79.5	78.6	40
Thu nhập bq đầu người / năm	Triệu đồng	1,8	2,1	2,3	2,7	3,2	3,5

Nguồn: Báo cáo tổng kết chương trình 135 (giai đoạn II) của tỉnh Điện Biên

và vùng sâu vùng xa. Các mục tiêu chủ yếu của chương trình 135 II đến năm 2010 là: (1) giảm tỉ lệ nghèo xuống dưới 30%; (2) trên 70% các hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người hàng năm cao hơn 3.5 triệu đồng; (3) tỉ lệ nhập học cấp tiểu học trong độ tuổi cao hơn 95%; (4) tỉ lệ nhập học cấp trung học cơ sở trong độ tuổi cao hơn 75%.

Điện Biên là một tỉnh miền núi, nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam, với dân số trên 49 vạn người gồm 18 dân tộc anh em: trong đó dân tộc Thái chiếm 37%, dân tộc Mông chiếm 34%, dân tộc Kinh chiếm 18%, dân tộc Khơ Mú chiếm 3% và còn lại là các dân tộc khác. Do cơ cấu dân số phức tạp cộng với điều kiện địa hình chủ yếu là đồi núi bị chia cắt nên tình hình kinh tế-xã hội của Tỉnh còn gặp rất nhiều khó khăn. Một trong những lý do khiến kinh tế của vùng kém phát triển là bởi hệ thống cơ sở hạ tầng lạc hậu và nền nông nghiệp du canh, du cư. Bởi vậy, một trong những chính sách ưu tiên của Tỉnh đó chính là cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân một cách bền vững thông qua các dự án thuộc chương trình 135 II như: hỗ trợ cho con em các hộ nghèo, đặc biệt là đối tượng dân tộc thiểu số được đến trường; hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường; hỗ trợ các hoạt động văn hóa đối với xã, thôn bản; trợ giúp pháp lý đối với xã, thôn bản và người dân.

Trên cơ sở ưu tiên đầu tư cho những xã có điều kiện phát triển kinh tế-xã hội còn nhiều khó khăn, đời sống nhân dân còn thấp, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã ban hành tiêu chí để phân loại các xã thuộc chương trình 135 II theo trình độ phát triển để làm cơ sở phân bổ vốn cụ thể cho từng xã, không chia

đều bình quân đối với dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu và dự án hỗ trợ dịch vụ, cụ thể:

Năm 2007: xã loại I đầu tư 600 triệu đồng/xã, xã loại II đầu tư 700 triệu đồng/xã, xã loại III đầu tư 800 triệu đồng/xã.

Năm 2008: xã loại I đầu tư 700 triệu đồng/xã, xã loại II đầu tư 800 triệu đồng/xã, xã loại III đầu tư 900 triệu đồng/xã.

Năm 2009: xã loại I đầu tư 700 triệu đồng/xã, xã loại II đầu tư 800 triệu đồng/xã, xã loại III đầu tư 900 triệu đồng/xã.

Năm 2010: xã loại I đầu tư 900 triệu đồng/xã, xã loại II đầu tư 1000 triệu đồng/xã, xã loại III đầu tư 1100 triệu đồng/xã.

3.2. Những kết quả đạt được

Trong suốt 5 năm thực hiện chương trình, Tỉnh đã được nhận tổng ngân sách 487.849 triệu đồng, toàn bộ từ Ngân sách Trung ương giao. Trong đó tổng vốn kế hoạch giao là 489.463 triệu đồng và 1.386 triệu đồng còn lại chưa phân bổ cho 3 bản thuộc xã Chà Nưa, huyện Mường Chà. Trong số vốn được cấp thì các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của Tỉnh được đầu tư 290.400 triệu đồng, các dự án hỗ trợ dịch vụ và cải thiện đời sống nhân dân được cấp 94.435 triệu đồng. Số vốn còn lại được phân bổ cho các dự án khác của chương trình.

Trụ cột kinh tế

So với mục tiêu đề ra ban đầu của chương trình là giảm tỉ lệ hộ nghèo ở cuối kì xuống dưới 30% hay nâng thu nhập bình quân đầu người hàng năm lên trên 3,5 triệu đồng/năm thì tỉnh Điện Biên đều chưa

Bảng 2: Thay đổi trong giáo dục của tỉnh nhờ CT 135 II

Nội dung	Đơn vị tính	2006	2007	2008	2009	2010	Mục tiêu
Số học sinh nghèo được nhận hỗ trợ	Người	10466	24108	59825	44976	152430	150000
Tỉ lệ học sinh tiểu học trong độ tuổi được đến trường	%	80	82	85	90	93.2	80
Tỉ lệ hs người DTTS trong độ tuổi được đến trường	%	78	80	82	87	90	70
Tỉ lệ học sinh THCS trong độ tuổi được đến trường	%	75	78	82.3	85	86.5	82
Tỉ lệ học sinh THCS người DTTS trong độ tuổi được đến trường	%	72	75	79	82	83	70
Tỉ lệ học sinh THPT trong độ tuổi được đến trường	%	60	63	67	70	72	60
Tỉ lệ học sinh THPT người DTTS trong độ tuổi được đến trường	%	45	47	50	52	55	50

Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2011)

đạt ở những tiêu chí này (xem bảng 2). Tuy không đạt được các mục tiêu đề ra nhưng chương trình đã giúp cho đồng bào thay đổi cơ bản tập quán sản xuất từ phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên sang áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong canh tác, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn công nghiệp, đưa giống cây trồng, vật nuôi mới, năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất thay cho cây giống ở địa phương.

Trụ cột phúc lợi xã hội

Số vốn của chương trình nhằm hỗ trợ con em các hộ khó khăn được tiếp cận với giáo dục tăng với tốc độ tăng dần qua các năm, riêng trong năm từ 2009 đến 2010 đã tăng hơn 2 lần từ 33,107 triệu lên đến 80,000 triệu đồng. Số học sinh nghèo được hỗ trợ là 139,275 lượt với tổng kinh phí hỗ trợ là 74,311.36 triệu đồng, cụ thể: Học sinh mầm non: 41,623 lượt với kinh phí hỗ trợ 13,090 triệu đồng. Học sinh tiểu học: 51,610 lượt với kinh phí hỗ trợ 32,432 triệu đồng. Học sinh trung học cơ sở: 38,725 lượt với kinh phí hỗ trợ 24,233 triệu đồng. Học sinh trung học phổ thông: 7,417 lượt với kinh phí hỗ trợ 4,555 triệu đồng.

Chính nhờ nguồn vốn hỗ trợ này mà tỉ lệ học sinh

các cấp, đặc biệt là tỉ lệ trẻ em dân tộc thiểu số được đến trường đều tăng lên qua các năm. Chi tiết sự thay đổi này được đề cập trong bảng 2.

Tỉ lệ này là một trong số ít những tiêu chí đạt so với chỉ tiêu đề ra khi kết thúc chương trình 135 giai đoạn II của Điện Biên. Cụ thể, trong năm 2006 có 80% học sinh tiểu học trong độ tuổi được đến trường thì đến năm 2010 con số này đã tăng lên là 93,2%, vượt kế hoạch so với chỉ tiêu đề ra là hơn 10%. Đặc biệt, số học sinh THPT cũng tăng lên đáng kể qua các năm, bao gồm cả học sinh người dân tộc thiểu số.

Trụ cột văn hóa

Với đặc điểm là một vùng có nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống, sự hạn chế về hiểu biết các chính sách, quy định pháp luật của người dân là rất lớn, do đó, chương trình đầu tư 472,5 triệu đồng cho công tác hỗ trợ pháp lý đối với xã, thôn bản và người dân. Trong năm 2010 đã tổ chức hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động miễn phí cho người dân 131 lần, từ đó giúp người dân tăng hiểu biết và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Ngoài ra, chương trình cũng đầu tư gần 472 triệu đồng để hỗ trợ hoạt động văn hóa đối với các xã, thôn bản trong việc tổ chức

Bảng 3: Một số kết quả về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sử dụng nguồn vốn từ chương trình 135

Danh mục	Đơn vị tính	năm						Mục tiêu
		2006	2007	2008	2009	2010	2006-2010	
Xã có trên 80% thôn, bản có điện	%	3	5	8	12	15	-	60
Thôn bản có đường xe gắn máy đến trung tâm xã	%	47	49	50	52	59,5	-	90
Số công trình thủy lợi được xây dựng mới hoặc cải tạo	Công trình	20	23	20	13	15	91	200
Số trường học được xây dựng mới hoặc cải tạo	Trường	6	7	11	2	7	33	50
Số trạm xá được xây dựng mới hoặc cải tạo	Trạm	0	1	10	7	3	21	50
Số hộ gia đình dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Hộ	3420	4510	4610	4500	3961	21001	50000

Nguồn: Báo cáo tổng kết chương trình 135 (giai đoạn II) của tỉnh Điện Biên

các hoạt động như: lễ hội, sinh hoạt văn hóa, hội diễn nghệ thuật quần chúng, hoạt động thể thao, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người dân.

Trụ cột cơ sở hạ tầng

Trong 5 năm thực hiện chương trình 135, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng tăng qua các năm với tổng số vốn đầu tư lên tới 290 tỷ đồng, trong đó tổng số vốn đầu tư phát triển hệ thống đường xá và các công trình thủy lợi là khoảng 200 tỷ, chiếm tới 69% tổng số vốn đầu tư để phục vụ nhu cầu đi lại, trao đổi và phát triển sản xuất của người dân.

Các tuyến đường giao thông liên xã, liên bản được mở rộng, đảm bảo cho người dân đi được 2 mùa đạt 73% tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, thúc đẩy giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các vùng. Hiện tại, 100% các xã đã có công trình thủy lợi nhỏ, nâng cao năng lực tưới tiêu, mở rộng diện tích đất sản xuất giúp các xã khó khăn ổn định được nguồn lương thực và số lượng người được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh cũng như sử dụng điện tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu trong trụ cột này đều chưa đạt được mục tiêu so với kế hoạch đề ra. Ví dụ như tỷ lệ thôn bản có đường xe gắn máy tới trung tâm xã mới chỉ đạt 59,5% năm 2010, thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu

đề ra của chương trình là trên 90%; đặc biệt, số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh mặc dù tăng lên nhưng so với mục tiêu đề ra thì con số này vẫn còn rất khiêm tốn. Ngoài ra đến năm 2010 mới chỉ có 10% số hộ có hố xí hợp vệ sinh, đây là vấn đề mà tỉnh cần quan tâm thời gian tới.

3.3. Đánh giá chung

Những thành tựu đạt được

Qua 5 năm thực hiện (2006-2010), Chương trình đã góp phần làm chuyển biến nhanh về kinh tế- xã hội của các xã, thôn, bản trên địa bàn Tỉnh. Sản xuất được thúc đẩy, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi và khởi sắc; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào đều được cải thiện; phát triển cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường... Trong đó, một số mục tiêu quan trọng đã đạt được như 100% xã đã được phủ sóng phát thanh, 89% xã đã có điểm bưu điện văn hóa xã và 82,2% tỷ lệ học sinh THCS đến trường, 90,8% cán bộ công chức xã có trình độ tốt nghiệp THCS trở lên.

Chương trình đã xây dựng được một hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu quan trọng, góp phần làm thay đổi diện mạo của nông thôn vùng dân tộc, góp phần tích cực trong công tác phát triển văn hóa, giáo dục và y tế, giao lưu trao đổi hàng hóa giữa các xã bản trong vùng và tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh.

Ngoài ra, số trường, lớp học kiên cố cũng được xây dựng với trang thiết bị phục vụ học tập và giảng dạy khá đầy đủ, góp phần tăng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đi học; các trạm y tế được xây dựng thêm, giảm bớt khó khăn trong việc khám, chữa những bệnh thông thường cho đồng bào các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cũng đã giúp một số hộ đồng bào dân tộc thiếu số chuyển từ tập quán làm nương rẫy sang làm ruộng nước, thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 51% vào năm 2010 và hướng tới thực hiện mục tiêu giảm xuống còn 30% vào năm 2015.

Những hạn chế còn gặp phải

Công tác xây dựng kế hoạch, điều tra, khảo sát để xây dựng công trình chưa được chú trọng, chưa sát với thực tế dẫn đến phải chỉnh sửa lại nhiều lần làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chương trình, việc thực hiện quy chế dân chủ từ cơ sở đã có những kết quả bước đầu nhưng hiệu quả chưa cao.

Chất lượng một số hạng mục công trình còn thấp và công tác quản lý, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng chưa được quan tâm thường xuyên nên một số công trình sau khi đầu tư đưa vào sử dụng thì nhanh chóng xuống cấp, kém phát huy hiệu quả.

Các tuyến đường giao thông thường bị sạt lở vào mùa mưa nên việc đi lại của người dân còn gặp nhiều khó khăn; các công trình thủy lợi chủ yếu là thủy lợi nhỏ, chưa đủ điều kiện để kiên cố hóa hệ thống kênh mương;... Hầu hết các công trình của Chương trình 135 có quy mô nhỏ, dễ hư hỏng, xuống cấp nhưng chưa có quy định cụ thể về quản lý, duy tu, vận hành nên rất khó để xác định trách nhiệm cũng như tìm giải pháp khắc phục.

Công tác phổ biến chính sách, tuyên truyền, vận động nhân dân còn hạn chế; nguyên tắc xã có công trình, người dân có việc làm tăng thêm thu nhập từ việc tham gia xây dựng công trình đã được triển khai nhưng chưa nhiều.

Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân chủ quan:

Năng lực quản lý, tổ chức thực hiện của một số đơn vị cấp huyện, xã còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ công chức xã tuy đã được tập huấn về kiến thức quản lý hàng năm song chưa được đào tạo bài bản,

còn chắp vá nên khi điều hành triển khai công việc ở cơ sở còn rất lúng túng, thực hiện chưa đúng yêu cầu đặt ra. Mặt khác, một số cán bộ xã lại thay đổi theo nhiệm kỳ bầu cử nên những cán bộ có kinh nghiệm lại được phân công đảm nhận công việc khác, ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Ban chỉ đạo các cấp đã được thành lập nhưng đều là hoạt động kiêm nhiệm, khối lượng công việc nhiều, địa bàn rộng và không chuyên sâu nên khó khăn trong quá trình chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới thực hiện công việc.

Nguyên nhân khách quan:

Nguồn vốn đầu tư còn thấp, chủ yếu là nguồn vốn của Trung ương nên vốn đầu tư các công trình còn hạn chế, vẫn còn nhiều bản thuộc xã chưa được đầu tư. Địa bàn triển khai chương trình rộng, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sống phân tán trong khi đó giá vật tư, nguyên vật liệu đầu vào liên tục tăng cao, định mức xây dựng các công trình không được điều chỉnh kịp thời nên xảy ra tình trạng vốn có nhưng không thể giải ngân.

4. Giải pháp và kiến nghị

4.1. Giải pháp

Tuy sau 5 năm thực hiện chương trình, bộ mặt cuộc sống dân cư tỉnh Điện Biên đã có nhiều cải thiện. Tuy nhiên, do còn gặp phải một số khó khăn bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan nên phần lớn các xã trên địa bàn tỉnh đều chưa đạt được mục tiêu đề ra nên đến năm 2010 các xã vẫn chưa thể hoàn thành chương trình giai đoạn II. Vì vậy, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giúp tỉnh có thể hoàn thành chương trình 135 giai đoạn II vào năm 2015, đồng thời làm bài học kinh nghiệm cho các tỉnh khác có thể hoàn thành chương trình đúng thời hạn với kết quả tốt, cụ thể:

Giải pháp chung:

Nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện của cán bộ thực hiện chương trình. Cần có cơ chế quản lý đơn giản, dễ thực hiện, tăng cường phân cấp và điều chỉnh cơ chế cho phù hợp giúp cho việc quản lý sát với thực tế.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng đối tượng và tránh thất thoát, lãng phí. Gắn trách nhiệm cho các cấp quản lý nguồn vốn thuộc chương trình.

Nâng cao chất lượng giám sát một cách toàn diện trên nguyên tắc dân chủ, có sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Khi tiến hành các chương trình, dự án thì trước tiên phải tuyên truyền cho người dân về mục tiêu và những ích lợi của dự án, để từ đó kêu gọi mọi người cùng tham gia.

Giải pháp cụ thể:

Thứ nhất, thực hiện lồng ghép các chương trình khác trên địa bàn với chương trình 135 nhằm hỗ trợ người dân có khả năng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, giúp người dân tự chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững. Đồng thời, thực hiện lồng ghép các hoạt động trợ giúp pháp lý, nâng cao nhận thức pháp luật trong các trường học.

Thứ hai, Ban chỉ đạo các cấp cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ngay từ khâu thiết kế, thi công xây dựng, tránh tình trạng phải chỉnh sửa nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng công trình và hiệu quả sử dụng. Đồng thời, phải có sự tham gia, hỗ trợ của các chuyên gia kỹ thuật trong việc xây dựng hệ thống cơ sở vật chất tại vùng rừng núi hay bị sạt lở khi mùa mưa về, điều kiện đi lại và vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu gặp khó khăn.

Thứ ba, phải có quy chế quản lý sử dụng các công trình sau đầu tư, tăng cường giáo dục ý thức trách nhiệm cho cán bộ xã và ý thức làm chủ của người dân. Các chương trình thực hiện đều phải lấy dân làm gốc, phải thực hiện trên tinh thần dân biết, dân bàn, dân kiểm tra để đảm bảo tính dân chủ và nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình.

Thứ tư, tăng cường tập trung cho công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu và tích cực tham gia vào chương trình nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Phát huy tính công khai, dân chủ cùng tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội để tạo nên sức mạnh tổng hợp, thực hiện tốt phương châm: “nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Thứ năm, Khôi phục và bảo tồn đa dạng các hoạt động văn hóa như tổ chức lễ hội, sinh hoạt văn hóa, hội diễn nghệ thuật quần chúng và đại hội thể thao, làm phong phú thêm đời sống tinh thần cho người dân.

4.2. Kiến nghị

Để thực hiện được các giải pháp nêu trên cần có sự hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền tỉnh cũng

như sự phối hợp của người dân, từ đó thực hiện tốt chương trình 135 giúp người dân thoát nghèo bền vững.

Đối với Nhà nước

Đề nghị Trung ương tiếp tục đầu tư, hỗ trợ cho vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh để có thể hoàn thành chương trình 135 giai đoạn II vào năm 2015.

Có chính sách ưu đãi cụ thể cho các đối tượng ưu tiên như học sinh, sinh viên, người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa; hỗ trợ đội ngũ y bác sỹ, trang thiết bị y tế nhằm nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân. Với những cán bộ giáo viên, bác sỹ tình nguyện công tác tại các thôn bản khó khăn thì cần có những chính sách ưu đãi riêng về thu nhập, về ổn định cuộc sống và cơ hội thăng tiến trong công việc.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng điều hành quản lý cho cán bộ cơ sở các cấp. Triển khai thêm nhiều các dự án như “đưa 6000 tri thức trẻ về làm phó chủ tịch xã” hay các dự án nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thôn xã thuộc dự án 135.

Đối với chính quyền tỉnh

Cần có chính sách thông thoáng, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giúp người dân có công ăn việc làm, thoát nghèo bền vững.

Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ xã, thôn bản thông qua các hình thức đào tạo theo địa chỉ, cử tuyển đối với con em người dân tộc. Tỉnh Điện Biên cần có ràng buộc và ưu đãi phù hợp để những đối tượng được cử đi học này sẽ quay về làm việc tại quê hương.

Sử dụng và phân bổ nguồn vốn hợp lý, tránh gây thất thoát và lãng phí tài sản của Nhà nước. Đồng thời, sử dụng hợp lý lao động để phát huy tối đa các nguồn lực của địa phương, tạo điều kiện tăng thu nhập cho người dân thông qua việc tham gia xây dựng các công trình cơ sở vật chất. □

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Thị Ánh Tuyết (2012), ‘Đánh giá tác động của chương trình 135 giai đoạn II đến đời sống kinh tế nông hộ tại xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang’, Báo cáo khoa học
- Lawton, M. P. (1991), The Concept and Measurement of Quality of Life in the Frail Elderly, San Diego: Academic Press.
- Nguyễn Văn Toàn, Trương Tấn Quân và Nguyễn Văn Toàn (2012), ‘Ảnh hưởng của chương trình 135 đến sinh kế của đồng bào dân tộc ít người huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị’, tạp chí khoa học Đại học Huế, số 3/2012.
- UNDP (2012), Tác động chương trình 135 giai đoạn II qua lăng kính hai cuộc điều tra đầu kì và cuối kì.
- Ủy ban Dân tộc (2009), Báo cáo đánh giá giữa kỳ chương trình 135-II giai đoạn 2006-2008.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2011), Báo cáo tổng kết chương trình 135 II và các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
- WHO [World Health Organization] (1993), Study protocol for the World Health Organization project to develop a quality of life assessment instrument (WHOQOL), Quality of Life Research.
- Flanagan, J. C. (1978). A research approach to improving our quality of life. American Psychologist, 33, 138-147.
- Lawton, M. P. (1991). A multidimensional view of quality of life in frail elders. In J. E. Birren (Eds.). The Concept and Measurement of Quality of Life in the Frail Elderly (pp. 3–27). San Diego: Academic Press
- Rocio Fernández-Ballesteros (2009), “Quality of life: Concept and assessment”. In J. Adair; D. Belanger, K. Dion: Advances in Psychological Science. Vol. I: Social, Personal and Cultural Aspects. Psychological Press.

The impact of projects under the national target program for poverty reduction (135 program) period II on the improvement in the quality of people life in Dien Bien province

Abstract:

After 5 years of implementation (2006-2010), through a number of projects such as "support in infrastructure investment" and "support services to improve and enhance people's lives", the program has made a big contribution to improving living standard for residents benefiting from the project area, including Dien Bien Province. This study evaluates the impact of this program through the quality of life framework in order to review the results and effectiveness of projects under 135 program in Dien Bien province. The paper also provides recommendations for 135 program period III to achieve the goal of pulling poverty rate under 35% and reaching the sustainable poverty reduction.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Duy Tuấn**, học viên cao học

- Nơi công tác: giảng viên Khoa Đầu tư, trường đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: đầu tư, đầu tư công, chính sách công

Email: tuannnd@neu.edu.vn

****Đương Thùy Linh**, học viên cao học

- Nơi công tác: Giảng viên khoa Khoa học Quản lý, trường đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: chính sách xã hội, chính sách công

Email: linhthuy13@gmail.com